

Số: /BCT-TTBVTV

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 14 tháng 3 năm 2023 đến ngày 13 tháng 4 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết:

Nhiệt độ trung bình: 35⁰C Cao nhất: 38⁰C Thấp nhất: 30⁰C

Độ ẩm trung bình:..... Cao nhất:..... Thấp nhất:.....

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng:

a. Cây lúa:

Vụ	Diện tích KH (ha)	Trà	Giai đoạn Sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Đông Xuân 2022-2023	17.363,7	Sớm (948 ha)	Thu hoạch	948
		Chính vụ (15.004,1 ha)	Chắc chín	8.317,1
			Thu hoạch	6.687
		Muộn (1.277,1 ha)	Trở	349,1
			Chắc chín	928
Tổng				17.229,2

Vụ	Trà	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)
Hè Thu 2023	Sớm	Mạ	85
Tổng			85

b. Cây trồng khác: Vụ Đông Xuân 2022-2023

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích gieo trồng (ha)	Diện tích thu hoạch (ha)
- Ngô (bắp)	Trổ cờ - Thu hoạch	3.011,5	2.000
- Khoai các loại	PTTL-TH	84,5	74,5
- Mì trồng mới	PTTL	241,4	
- Lạc	TH	251,8	251,8
- Thuốc lá	PTTL-TH	113,6	79
- Cây rau các loại	Nhiều giai đoạn	2.949,5	2.638,7

- Cây đậu các loại	Trái - Thu hoạch	778,4	686,9
- Cây ăn quả:			
+ Nho	Nhiều giai đoạn	1.061	
+ Táo	Nhiều giai đoạn	1.055	
- Cây hàng năm khác: (<i>cây gia vị, được liệu, cỏ chăn nuôi,...</i>)	Nhiều giai đoạn	1.903,5	1.824,9

II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THÁNG

1. Cây Lúa:

- Sâu đục thân gây hại giai đoạn trổ trên diện tích 02 ha (*tỷ lệ 2,5% bông bạc*), phân bố tại huyện Bác Ái.

- Bệnh đạo ôn lá gây hại giai đoạn làm đòng trên diện tích 12 ha (*tỷ lệ 6-8%*), phân bố tại huyện Ninh Sơn.

- Bệnh lem lép hạt gây hại giai đoạn trổ - vào chắc trên diện tích 111 ha (*tỷ lệ 5-10%*), phân bố tại huyện Thuận Bắc, Bác Ái, Ninh Sơn và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

2. Cây Nho:

- Bọ trĩ gây hại trên diện tích 34 ha (*tỷ lệ 5-10%*), phân bố tại huyện Ninh Sơn, Ninh Hải và thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

- Bệnh mốc sương gây hại trên diện tích 03 ha (*tỷ lệ 5-7%*), phân bố tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.

3. Cây Táo:

Sâu đục trái gây hại trên diện tích 02 ha (*tỷ lệ 5-6%*), phân bố tại huyện Thuận Nam.

Nhìn chung, trong tháng sinh vật gây hại phát sinh, gây hại ở mức độ nhẹ, nông dân đã chủ động phòng trừ theo hướng dẫn của cán bộ BVTV địa phương.

III. DỰ KIẾN TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TRONG THỜI GIAN TỚI

- **Cây Lúa:** Lưu ý một số đối tượng như: Rầy nâu, bệnh lem lép hạt,... gây hại giai đoạn trổ đến vào chắc.

- **Cây Bắp:** Tiếp tục theo dõi chuột gây hại giai đoạn trái.

- **Cây Táo:** Lưu ý đối tượng sâu đục trái và bệnh thối trái phát sinh gây hại ở giai đoạn mang trái - thu hoạch.

- **Cây Nho:** Bọ trĩ, bệnh mốc sương, bệnh thán thư tiếp tục gây hại giai đoạn cắt cành đến mang trái.

- **Cây Rau, đậu các loại:** Tiếp tục theo dõi SVGH gây hại.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ HOẶC CÁC CHỦ TRƯỞNG CẦN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG: Tiếp tục triển khai và thực hiện các công văn sau:

- Đối với các trà lúa đã thu hoạch xong cần tiến hành cày bừa, phơi ải, vệ sinh đồng ruộng, thu dọn tàn dư để chuẩn bị sản xuất vụ Hè Thu 2023.

- Ngoài ra, đề nghị các trạm Trồng trọt và BVTV huyện, thành phố tiếp tục triển khai và phối hợp với các phường, xã, thị trấn trên địa bàn quản lý thực hiện công văn:

+ Công văn số 1201/SNNPTNT-TTBVTV ngày 07/4/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc cơ cấu giống và thời vụ gieo trồng vụ Hè Thu năm 2023;

+ Công văn số 41/TTBVTV-TT ngày 30/01/2023 về việc “*Tăng cường chỉ đạo, hướng dẫn chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh gây hại cây trồng vụ Đông Xuân 2022-2023*”.

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV miền Trung (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Lãnh đạo Chi cục (b/c);
- Phòng KT, NN&PTNT các huyện/tp (p/h);
- Các Trạm Trồng trọt và BVTV (t/h);
- Lưu HC, P.BVTV.

CHI CỤC TRƯỞNG

Phạm Dũng

Phụ lục:

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT GÂY HẠI
(Từ ngày 14/3/2023 đến ngày 13/4/2023)

S T T	Tên sinh vật gây hại	GDST của cây trồng	Mật độ, tỷ lệ (con/m ² , %)		Diện tích nhiễm (ha)					Diện tích phòng trừ (ha)	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Tổng số	Nhẹ	TB	Nặng	Thiệt hại >70% NS		
I	Cây Lúa				<u>125</u>	<u>125</u>	<u>0</u>	<u>0</u>		<u>125</u>	
1	Sâu đục thân	Trở	2,5%		2	2	0	0		2	BA
2	Bệnh đạo ôn lá	Làm đòng	6-8%		12	12	0	0		12	NS
3	Bệnh lem lép hạt	Trở-vào chắc	5-10%		111	111	0	0		111	NS,BA,PR,TB
II	Cây Nho				<u>37</u>	<u>37</u>	<u>0</u>	<u>0</u>		<u>37</u>	
1	Bọ trĩ	Lá, hoa, trái	5-10%		34	34	0	0		34	NS,NH,PR
2	Bệnh mốc sương	Hoa, trái	5-7%		03	03	0	0		03	PR
III	Cây Táo				<u>02</u>	<u>02</u>	<u>0</u>	<u>0</u>		<u>02</u>	
1	Sâu đục trái	Trái	5-6%		02	02	0	0		02	TN

Ghi chú: NS, PR, NH, NP,TB,TN,BA: Ninh Sơn, Phan Rang - Tháp Chàm, Ninh Hải, Ninh Phước, Thuận Bắc, Thuận Nam, Bác Ái.